

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-01-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn 12, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D; địa chỉ: Thôn 12, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 27 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn D trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 01 năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 12, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ăn ở, sinh sống từ năm 2020 và ly thân với anh D từ đó đến nay. Mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Nguyễn Thị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D. Chị và anh D không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn D có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Anh Nguyễn Văn D thừa nhận lời khai của chị Nguyễn Thị L về thời gian, điều kiện, hình thức kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh D cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất. Nay chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, quan điểm của anh D đồng ý ly hôn chị L. Anh và chị L không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D. Về con chung và tài sản chung các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao sổ hộ khẩu; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai, Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, Công an xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và gia đình anh Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 01 năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh D đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn chị L và anh D đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, anh Nguyễn Văn D thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị L. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007606 ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND huyện Thủy Nguyên;
 - Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
 - UBND xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 08/01/2018);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

